

Bản án số: **19/2025/HS-ST**

Ngày: **12-8-2025**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Anh Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn B - sinh ngày 09/3/1980. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang). Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Phạm Văn C (chết) và bà Dương Thị Q, sinh năm 1946. Vợ: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980. Con ruột có một người, sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 19/11/2024 đến ngày 28/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, tỉnh An Giang.

** Người bị hại:*

Hồ Như T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang).

** Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Phạm Nguyễn Bảo H , sinh năm 2007 (có mặt)

Đại diện hợp pháp cho Phạm Nguyễn Bảo H là bà Nguyễn Thị Kim L , sinh năm 1980. Cùng địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp T , xã T , tỉnh An Giang).

3. Lê Thanh S , sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Nay là: khu phố Đ, xã T , tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B và Hồ Như T là hàng xóm với nhau, cùng cư trú tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Vào ngày 23/4/2023, chồng của bà T là Nguyễn Mai Mạnh T cùng với Từ Tấn Đ, Võ Thanh B và Võ Văn A bị bắt, tạm giữ về hành vi Cố ý gây thương tích. Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện điều tra vụ án, T nhờ B đi cùng lên trụ sở Công an huyện T khi T được triệu tập ghi lời khai, cung cấp giấy tờ có liên quan. Biết được Phạm Văn B là người có mối quan hệ rộng rãi, bà T nhờ B giúp đỡ cho T được giảm nhẹ hình phạt. B đồng ý và yêu cầu T đưa tiền để B lo chi phí gặp gỡ, nhờ vả người khác viết đơn xin giảm nhẹ, gặp gỡ, lo cho phía bên người bị hại điều trị thương tích, tái khám để họ bãi nại, xin giảm nhẹ cho chồng T và những người khác. Bà T đưa trước cho B 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để lo chi phí đi lại, ăn uống. Đầu tháng 5/2023, biết được Điều tra viên Nguyễn Tiến D là người thụ lý, điều tra vụ án, B bàn bạc với bà T mời ông D đi ăn, uống để xin xem xét giảm nhẹ cho T, B yêu cầu bà T đã đưa thêm cho B 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để lo việc này, bà T đưa cho con của B là em Phạm Nguyễn Bảo H để H đem ra quán cà phê “Salem”, thuộc khu phố B, thị trấn T đưa cho B. Nhận được tiền, B gặp và mời ông D đi ăn uống vài lần nhưng ông D đều từ chối, B giữ số tiền này tiêu xài cá nhân.

Sau đó khoảng 01 tuần, bà T đưa cho B 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nhờ B đi thăm và đi khám thương tích cho bị hại ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang. Khoảng 10 ngày sau, bà T đưa cho B thêm 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để nhờ B đưa người bị hại đi tái khám ở thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng, B đã chi các khoản thăm khám, thuê xe, ăn uống hết 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), còn 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) B giữ lại tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, sau khi đưa bị hại đi tái khám về vài ngày, cũng trong tháng 5/2023, B có hỏi mượn thêm của bà T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để tiêu xài cá nhân.

Do có mối quan hệ quen biết với ông Danh V là Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện T , B có nói sự việc T nhờ giúp đỡ thì ông V nói cho B nên liên hệ luật sư tham gia bào chữa và giới thiệu luật sư Nguyễn Văn L ở huyện Giồng Riềng cho B.

B chở T sang huyện Giồng Riềng thì được Luật sư L tư vấn gói bảo chữa giảm nhẹ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) nên T và B nói về sẽ bàn bạc lại. Đồng thời, với mối quan hệ quen biết với ông Lê Thanh S thời điểm đó là Trưởng Công an xã Tân Hòa nên B nhờ ông S tư vấn về cách thức xem xét xin giảm nhẹ, ông S nghe B nói Luật sư L bảo chữa giảm nhẹ với 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) thì nói khi vụ án chuyển sang Viện kiểm sát sẽ nhờ giúp đỡ giảm nhẹ với số tiền tương tự như Luật sư Lâm đã báo cho B và bà T.

Đến cuối tháng 5/2023, do cần tiền đặt cọc vụ lúa Hè – Thu nhưng không đủ tiền, B nói dối và yêu cầu T đưa trước 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để B đưa cho những người mà B đã nhờ vả. Do tin tưởng B, bà Hồ Như T chuẩn bị và đem 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) đến nhà đưa cho B. Bà L là vợ B nhận, đếm lại và đưa cho B cất giữ. Số tiền này, B đem đi đặt cọc mua lúa và tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng tháng 12/2023, sau khi vụ án của chồng bà T được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh điều tra theo thẩm quyền, do cần tiền đặt cọc vụ lúa Đông – Xuân và biết bà T mới có tiền bán nhà, đất nên B tiếp tục nói dối với T rằng vụ án của Nguyễn Mai Mạnh T sắp kết thúc và yêu cầu T đưa thêm 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để đưa cho những người mà B nhờ xin giảm nhẹ. Tin tưởng nên bà T trực tiếp đem đến nhà đưa cho B 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tổng cộng, Hồ Như T đưa cho Phạm Văn B 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*), trừ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) B đã lo chi phí cho các bị hại đi thăm khám, điều trị thương tích còn lại 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Trong đó, gồm: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền rủ ông D đi ăn uống; 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) lo chi phí cho bị hại đi thăm khám, điều trị thương tích còn thừa; mượn cá nhân 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và dùng thủ đoạn gian dối để bà T tin tưởng chiếm đoạt 02 (hai) lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Sau khi bà T bị khởi tố với vai trò đồng phạm và biết được Nguyễn Mai Mạnh T và các đồng phạm bị thay đổi tội danh, xét xử về tội Giết người nên đã đến gặp B để đòi lại các khoản tiền trên. Khoảng tháng 8 đến tháng 9/2024, bà Nguyễn Thị Kim L đã trả lại cho Hồ Như T số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), còn lại 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) chưa trả được, B và vợ sang thành phố Phú Quốc để làm thuê. Đến ngày 22/10/2024, bà T đến trình báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Đến ngày 19/11/2024, Phạm Văn B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 28/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố, tạm giam đối với Phạm Văn B để tiến hành điều tra. Trong quá trình điều tra, truy tố bị can Phạm Văn B đã tự nguyện đầu

thú về hành vi phạm tội; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhờ người thân bồi thường toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) đã chiếm đoạt, bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên.

Quá trình điều tra, ông Lê Thanh S cho rằng chỉ có mối quan hệ quen biết với B khi ăn uống cùng tại quán “*Ốc La Cà*” vào tháng 10/2023, B có kể lại sự việc và nhờ ông S tư vấn giúp về việc giảm nhẹ cho các bị cáo. Ông S chỉ hướng dẫn nên thành khẩn khai báo, xin bị hại bãi nại và có nhận làm giúp đơn bãi nại cho B. Tuy nhiên, ông không thừa nhận có nhận giúp đỡ hoặc nhờ người khác giúp đỡ, tác động cho vụ án và nhận lợi ích vật chất theo như lời trình bày của Phạm Văn B, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ.

* **Cáo trạng số 17/CT-VKSTH** ngày 03/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, đề nghị Hội đồng xét xử:

* **Tuyên xử bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn B mức án tù từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 19/11/2024.

Do bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình hoàn cảnh khó khăn, đề nghị miễn hình phạt bổ sung với bị cáo.

* **Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:** 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston màu trắng, trên USB có ký hiệu DTSE9, dung lượng 08GB, trên tem dán có chữ DTP và số 23-24-25, kích thước USB 3,8 x 1,2cm.

* **Xử lý vật chứng:** 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston màu trắng, trên USB có ký hiệu DTSE9, dung lượng 08GB, trên tem dán có chữ DTP và số 23-24-25, kích thước USB 3,8 x 1,2cm. Đã được niêm phong trong phong bì chuyển giao kèm hồ sơ vụ án.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Hồ Như T yêu cầu bị cáo Phạm Văn B phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), hoàn trả số tiền còn thừa, tiền mượn mà T đưa cho B trước đó để lo cho gia đình bị hại trong vụ án của chồng T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), tổng cộng

130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Bị cáo Phạm Văn B đồng ý và đã tác động gia đình nộp thay. Ngày 03/12/2024, em ruột của bị cáo là bà Phạm Thị Thu N đã nộp số tiền 105.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu đồng*) vào tài khoản tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Còn lại 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), ngày 10/3/2025, bà N đã giao cho ông Hồ Văn N là em ruột của bà T theo yêu cầu.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 4/2023, Hồ Như T nhờ bị cáo Phạm Văn B giúp đỡ, xin giảm nhẹ cho chồng T trong vụ án cố ý gây thương tích xảy ra tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023, trên địa bàn ấp T , xã T , bị cáo B đã 02 (hai) lần dùng thủ đoạn gian dối để bà T tin tưởng đưa **100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)** dùng để đặt cọc mua lúa, tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức

độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, bồi thường số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo đầu thú, có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để chuyển khung hình phạt liền kề nhẹ hơn đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ Như T yêu cầu bị cáo Phạm Văn B phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), hoàn trả số tiền còn thừa, tiền mượn mà T đưa cho B trước đó để lo cho gia đình bị hại trong vụ án của chồng T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), tổng cộng 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Bị cáo Phạm Văn B đồng ý và đã tác động gia đình nộp thay. Ngày 03/12/2024, em ruột của bị cáo là bà Phạm Thị Thu N đã nộp số tiền 105.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu đồng*) vào tài khoản tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Còn lại 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), ngày 10/3/2025, bà N đã giao cho ông Hồ Văn N là em ruột của bà T theo yêu cầu.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston màu trắng, trên USB có ký hiệu DTSE9, dung lượng 08GB, trên tem dán có chữ DTP và số 23-24-25, kích thước USB 3,8 x 1,2cm, đã được niêm phong trong phong bì chuyển giao kèm hồ sơ vụ án.

[7] Xét thấy do bị cáo không có công việc ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với ông Lê Thanh S làm giúp cho bị cáo Phạm Văn B tờ bãi nại trong vụ án của chồng bà Hồ Như T, không có tài liệu chứng minh ông S nhận tiền hoặc lợi ích vật chất khác để hứa hẹn, nhờ người khác giúp đỡ trong vụ án nên không xem xét xử lý.

Đối với Phạm Nguyễn Bảo H và Nguyễn Thị Kim L (là con gái và là vợ của bị cáo) không biết, không có bàn bạc với Phạm Văn B trong việc phạm tội nên không xử lý.

Đối với việc bị cáo Phạm Văn B dự định tìm, rủ ông Nguyễn Tiến D đi ăn uống, chưa có đủ căn cứ để xác định có hành vi đưa hối lộ nên không xem xét xử lý; là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 19/11/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn B về việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại Hồ Như T số tiền đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), và 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) số tiền còn thừa, tiền mượn mà T đưa cho bị cáo B trước đó để lo cho gia đình bị hại trong vụ án của chồng T.

Tổng cộng là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Bị cáo Phạm Văn B đã tác động gia đình nộp thay, em ruột của bị cáo là bà Phạm Thị Thu N đã nộp số tiền 105.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002975 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang). Số tiền còn lại 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) ngày 10/3/2025, bà Phạm Thị Thu N đã giao cho ông Hồ Văn N là em ruột của bà T nhận xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3 – An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Phân trại tạm giam khu vực T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến